TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HN- ST
Ngày 10/3/2025
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Hiền

Bà Mai Thị Nhặc.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **10** tháng **03** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 559/2024/TLST-HN ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐST-HN ngày 04/02/2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 72/2025/QĐST-HN ngày 20/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Văn T, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Mỹ Tr, xã Hương M, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Huỳnh Thị T1, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Mỹ Tr, xã Hương M, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh T trình bày:

Vào năm 1986 anh T và chị T1 đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn tại UBND có thẩm quyền. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay anh xin ly hôn với chị T1.

Quá trình sống chung vợ chồng có 01con chung tên Trần Diễm Sơn, sinh ngày 17/10/1988. Hiện tại con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hỳnh Thị T1 vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó anh khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Chị Thuý đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, anh T có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị T1.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh T, chị Thuý kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, Mặc dù anh, chị không có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, nhưng anh chị xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 (ngày luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực), nên hôn nhân của anh chị vẫn được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn chị T1 đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy chị T1 không có thiện chí muốn trở về chung sống với anh T. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Trần Diễm Sơn, sinh ngày 17/10/1988. Hiện tại con đã trưởng thành, anh T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn T. Anh Trần Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị T1.

Về con chung: Đã trưởng thành, anh T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Anh T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005019 ngày 11/12/2024 là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Hương Mỹ (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký